

Shell Malleus Greases JB

Mỡ công nghiệp chịu tải nặng

Chất làm đặc	NLGI	Phạm vi nhiệt độ làm việc	Độ nhớt dầu gốc		EP	Kháng nước	Chất bôi trơn rắn
Đất sét	1 & 2	10°C to +200°C	40°C 1040 cSt	100°C 42 cSt	✓	☆☆	MoS ₂

Shell Malleus Greases JB là mỡ công nghiệp chịu tải nặng, chịu nhiệt cao, cho các ứng dụng ổ đỡ trượt tốc độ chậm trong điều kiện khắc nghiệt. Mỡ được chế tạo từ chất làm đặc không xà phòng gốc vô cơ, phân tán vào dầu gốc có độ nhớt rất cao có chứa phụ gia Moliptem disulphit (MoS₂)

Shell Malleus Greases JB sẽ bôi trơn an toàn và đem lại tuổi thọ làm việc tốt khi hoạt động ở nhiệt độ lên tới 200°C. Chúng đặc biệt hữu dụng ở những vị trí có sự mài mòn lớn xuất hiện hoặc khó tiếp cận

Ứng dụng

Những ứng dụng điển hình của Shell Malleus Greases JB :

- Các ổ đỡ trượt
- Các chốt Pivot
- Ống lót
- Bánh răng hở
- Ổ đỡ cơ cấu tiếp liệu kiểu ghi
- Các cổ trục máy nghiền xi măng
- Các ổ đỡ trong máy ép mía
- Bánh xe goòng lò nung
- Bánh răng cửa lò
- Các cơ cấu trong lò sấy
- Các cơ cấu cam và con đội tốc độ thấp.

Shell Malleus Greases JB không khuyến cáo sử dụng cho các ổ đỡ lăn.

Ưu điểm kỹ thuật

- **Điểm chảy cao**
Chất làm đặc vô cơ có điểm chảy cao và chất lượng chỉ phụ thuộc vào dầu gốc và các phụ gia.
- **Tổn hao mỡ thấp**
Chất làm đặc đã được xử lý đặc biệt giúp giảm thiểu thất thoát mỡ từ ổ đỡ

bằng cách giảm thiểu khuynh hướng dầu gốc tách ra khỏi mỡ ở nhiệt độ cao.

- **Độ bay hơi thấp và Tính ổn định oxy hóa tuyệt vời.**

Các đặc tính cho phép mỡ làm việc lâu dài ở nhiệt độ từ 10°C đến 200°C.

- **Bôi trơn tốt và hệ số ma sát thấp.**

Các hạt molipden disulphit cỡ hạt nhỏ, được phân tán đồng đều hoạt động như là một chất bôi trơn rắn đem lại khả năng bôi trơn tốt nhất và hệ số ma sát thấp nhất dưới các điều kiện làm việc khắc nghiệt..

Thời gian tra mỡ

Với các ổ đỡ làm việc ở nhiệt độ gần nhiệt độ cao nhất được khuyến cáo, khoảng thời gian tra mỡ nên được xem xét.

Sức Khỏe và an toàn

Shell Malleus Greases JB không gây nguy hại nào đáng kể cho sức khỏe và an toàn khi sử dụng đúng quy định, tiêu chuẩn vệ sinh công nghiệp và cá nhân được tuân thủ. Tránh tiếp xúc lâu dài với da..

Để có thêm hướng dẫn về an toàn và sức khỏe tham khảo thêm phiếu dữ liệu sản phẩm Shell tương ứng.

Tính chất lý học điển hình

Shell Malleus Grease	JB 1	JB 2
Độ đặc theo NLGI	1	2
Màu sắc	Xám đậm	Xám đậm
Chất làm đặc	Bentonit	Bentonit
Loại dầu gốc	Khoáng	Khoáng
Độ nhớt dầu gốc @ 40°C cSt 100°C cSt (IP 71/ASTM-D445)	1040 42	1040 42
Độ xuyên kim Worked @ 25°C 0.1 mm (IP 50/ASTM-D217)	310-340	265-295
Điểm rót chảy °C (IP 132/ASTM-D566-76)	Trên 250	Trên 250

Những tính chất này đặc trưng cho sản phẩm hiện hành. Những sản phẩm trong tương lai của Shell có thể thay đổi chút ít cho phù hợp theo quy cách của Shell.

June 2009